



zuò qǔ
作曲

verb-object phrase · compose music

Example Sentences

Tā xǐ huan zuò qǔ
他喜欢作曲。

He likes to compose music.

zhè wèi yīn yuè jiā wèi diàn yǐng zuò qǔ
这位音乐家为电影作曲。

This musician composed music for the movie.

tā cóng xiǎo jiù kāi shǐ xué xí zuò qǔ xiàn zài yǐ jīng hěn yǒu míng qì
他从小就开始学习作曲，现在已经很有名气。

He started learning to compose music as a child and is now quite famous.

Trace each character, then write the word on your own.

作	作	作	作	作	作	作	作	作	作
曲	曲	曲	曲	曲	曲	曲	曲	曲	曲